**Phụ lục VII**

**NỘI DUNG CHẤM ĐIỂM THI ĐUA**

**KHỐI CÁC DOANH NGHIỆP, NGÂN HÀNG**

*(Kèm theo Công văn số ……/UBND-VP ngày…..tháng….năm 2024*

*của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**Tổng số điểm**: 1.000 điểm, gồm 03 nội dung sau:

**I. Nội dung 1: Thi đua hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (700 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | Tiêu chí | **Đơn vị tính** | **Điểm chuẩn** | **Kết quả thực hiện** | **Điểm đạt** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Tổng doanh thu (so với kế hoạch) | Tỷ đồng | 150 |  |  |  |  |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế (so với kế hoạch) | Tỷ đồng | 170 |  |  |  |  |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu hoàn thành (so với kế hoạch) | % | 160 |  |  |  |  |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước (so với kế hoạch) | Tỷ đồng | 150 |  |  |  |  |
| 5 | Thu nhập bình quân của người lao động (so với năm trước) | Triệu đồng | 70  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **700** |  |  |  |  |

**II. Nội dung 2: Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị (250 điểm)**

| **TT** | **Tiêu chí** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự chấm** | **Tài liệu chứng minh** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Đảm bảo chế độ tiền lương, tiền công, tiền thưởng | **40** |  |  |
|  | - Trả đầy đủ, đúng thời hạn quy định | 40 |  |  |
|  | - Trả đầy đủ nhưng không đúng thời hạn (trong tháng) theo quy định | 30 |  |  |
| 2. | Thực hiện trích nộp BHXH,BHYT,BHTN đối với người lao động | **40** |  |  |
|  | - Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định không để phát sinh nợ trong tháng | 40 |  |  |
|  | - Thực hiện đầy đủ nhưng không đúng thời gian quy định  | 30 |  |  |
|  | - Còn nợ chế độ bảo hiểm đối với người lao động nhưng có lý do chính đáng | 20 |  |  |
| 3. | Thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động | **40** |  |  |
| a. | Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động | **20** |  |  |
|  | - Có tổ chức | 20 |  |  |
|  | - Không tổ chức | 0 |  |  |
| b. | Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động | **20** |  |  |
|  | - Có tổ chức | 20 |  |  |
|  | - Không tổ chức | 0 |  |  |
| 4. | Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở | **40** |  |  |
| a. | Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở | **20** |  |  |
|  | - Có ban hành | 20 |  |  |
|  | - Không ban hành | 0 |  |  |
| b. | Tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm theo đúng quy định của pháp luật | **20** |  |  |
|  | - Có tổ chức | 20 |  |  |
|  | - Không tổ chức | 0 |  |  |
| 5. | Tham gia đầy đủ các quỹ từ thiện xã hội từ thiện do tỉnh tổ chức  | **30** |  |  |
|  | - Tham gia đầy đủ | 30 |  |  |
|  | - Có tham gia nhưng không đầy đủ | 20 |  |  |
|  | - Không tham gia | 0 |  |  |
| 6. | Kết quả xếp loại tổ chức ĐảngĐiểm: Xuất sắc: 20 điểm; Khá: 15 điểm; Trung bình: 10 điểm; Yếu kém: 0 điểm  | **20** |  | Văn bản đánh giá xếp loại của cấp ủy cấp trên |
| 7. | Kết quả xếp loại các tổ chức đoàn thể Điểm mỗi tổ chức đoàn thể: Xuất sắc: 20 điểm; Tốt: 15 điểm; Trung bình: 10 điểm; Yếu kém: 0 điểm | **40** |  | Văn bản đánh giá xếp loại của tổ chức đoàn thể cấp trên |
|  | - Đoàn Thanh niên Cộng sãn Hồ Chí Minh | 20 |  |  |
|  | - Công Đoàn | 20 |  |  |
|  | Cộng | **250** |  |  |

**III. Nội dung 3: Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (50 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự chấm** | **Tài liệu chứng minh** |
| **1.** | **Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng**  | **8** |  |  |
| a. |  Có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị | 3 |  | Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng |
| b. | Sửa đổi, bổ sung Quy định, Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Có sửa đổi, bổ sung: 04 điểm; Không sửa đổi, bổ sung: 0 điểm) | 3 |  | Quy định, Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng |
| c. | Thường xuyên củng cố, kiện toàn Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến và bổ sung quy chế hoạt động phù hợp với quy định | 2 |  | Quyết định củng cố, kiện toàn Hội dồng |
| **2.** | **Triển khai thực hiện các phong trào thi đua** | **9** |  |  |
| a. |  Triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Trung ương, UBND tỉnh phát động (Mỗi phong trào phải có ban hành văn bản triển khai, trong đó có quy định cụ thể các nội dung, tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng; có mô hình, giải pháp, gương điển hình; có biểu dương, khen thưởng). Tùy theo tình hình thực tế, hàng năm Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh hướng dẫn việc chấm điểm cụ thể các phong trào | 6 |  | Văn bản, kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả thực hiện phong trào |
| b. | Phát động và triển khai có hiệu quả các phong trào, chuyên đề thi đua của đơn vị: | 3 |  | Văn bản, kế hoạch phát động; báo cáo kết quả thực hiện phong trào |
|  | - Có ban hành văn bản phát động, trong đó có quy định cụ thể các nội dung, tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng (02 điểm) |  |  |  |
|  | - Có mô hình, giải pháp, gương điển hình (0,5 điểm) |  |  |  |
|  | - Có biểu dương, khen thưởng (0,5 điểm) |  |  |  |
| **3.** | **Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến** | **6** |  |  |
| a. | Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến ở đơn vị | 3 |  | Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến  |
| b. | Trong năm có nhiều gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, mô hình mới, cách làm hay được biểu dương, tuyên truyền (có báo cáo số lượng cụ thể) | 2 |  | Báo cáo kết quả thực hiện; nêu số lượng được biểu dương, tuyên truyền |
| c. | Hàng quý, giới thiệu ít nhất một gương điển hình tiên tiến về Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng | 1 |  | Văn bản giới thiệu |
| **4** | **Công tác khen thưởng** | **13** |  |  |
| a. | Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh | 9 |  |  |
| - Hồ sơ trình khen thưởng đúng tiêu chuẩn quy định (Mỗi trường hợp trình không đúng tiêu chuẩn quy định trừ 0,5 điểm) | 4 |  |  |
| - Hồ sơ trình khen thưởng đúng thời gian quy định (mỗi hồ sơ trình không đúng quy định trừ 0,5 điểm) | 2 |  |  |
| - Hồ sơ trình khen thưởng đúng quy trình thủ tục, hồ sơ (mỗi hồ sơ trình không đúng quy định trừ 0,5 điểm) | 3 |  |  |
| b. | Khen thưởng đột xuất (Giấy khen) | 4 |  | Có Bảng thống kê chi tiết số liệu, kèm theo Quyết định khen thưởng đột xuất của 02 năm (năm trước và năm hiện tại) |
|  | - Tăng so với năm trước 20% | 4 |  |
|  | - Tăng so với năm trước 15% | 3 |  |
|  | - Tăng so với năm trước 10% | 2 |  |
|  | - Tăng so với năm trước 5% | 1 |  |
| 5. | Tham gia góp ý đầy đủ, đúng thời hạn các dự thảo văn bản về công tác thi đua, khen thưởng theo đề nghị của Sở Nội vụ (không góp ý 01 văn bản trừ 0,5 điểm, không đúng thời hạn/01 văn bản trừ 0,5 điểm) | **2** |  | Các văn bản tham gia góp ý |
| 6. | Nộp các báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn và đáp ứng đúng yêu cầu (mỗi báo cáo không đạt trừ 0,5 điểm, thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm) | **2** |  | Các báo cáo |
| 7. | **Điểm thưởng** | **10** |  |  |
| a. | Thưởng tối đa 03 điểm cho đơn vị có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, có nhiều mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả trong các phong trào thi đua | 3 |  | Văn bản, tài liệu chứng minh |
| b. | Thưởng tối đa 02 điểm cho đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; có nhiều hình thức biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; thực hiện tốt việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến, giới thiệu điển hình để tuyên truyền | 2 |  | Văn bản, tài liệu chứng minh |
| c. | Thưởng tối đa 03 điểm cho đơn vị thực hiện tốt công tác khen thưởng: quy trình, hồ sơ khen thưởng chặt chẽ, đảm bảo quy định; quan tâm khen thưởng và đề nghị khen thưởng kịp thời cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất | 3 |  | Văn bản, tài liệu chứng minh |
| d. | Thưởng tối đa 02 điểm cho đơn vị Khối trưởng, 01 điểm cho đơn vị Khối phó có cách làm mới, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động khối thi đua | 2 |  | Văn bản, tài liệu chứng minh |
|  | **Tổng cộng** | **50** |  |  |

**\* Chú ý:**

*- Đối với các tiêu chí 6,7* Nội dung 2*:* Đối với các đơn vị không có tổ chức đảng, đoàn thể thì cụm, khối xem xét, thống nhất thay thế bằng tiêu chí khác phù hợp.